

Số: /2018/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nhiệm vụ chi, mức chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XII, kỳ họp thứ 8 về quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số ngày tháng 01 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 01 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế-Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT. HĐND;
- CT, các Phó CT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh.

Trần Ngọc Căng

QUY ĐỊNH

**NHIỆM VỤ CHI, MỨC CHI KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày tháng 01 năm
2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định nhiệm vụ chi, mức chi kinh phí sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp.
2. Các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các Hội đoàn thể (cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (cấp xã).
2. Các cơ quan, đơn vị, các nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng:

1. Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí chi nhiệm vụ bảo vệ môi trường do các cơ quan, đơn vị thực hiện theo phân cấp.
2. Các dự án đề án về bảo vệ môi trường phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận mới đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện.
3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường phải theo đúng nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh quyết toán, chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

Chương II

**PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI, MỨC CHI KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO
VỆ MÔI TRƯỜNG**

Điều 3. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách tỉnh

1. Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược trên địa bàn tỉnh; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương.

3. Đảm bảo cho hoạt động quan trắc và phân tích chất lượng môi trường theo hệ thống mạng lưới quan trắc môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường trên địa bàn tỉnh.

4. Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của tỉnh (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường do cấp tỉnh quản lý.

5. Công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh.

6. Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm:

a) Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do tỉnh quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường), thuộc danh mục dự án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích, Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 5 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch

xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ.

b) Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt ở địa bàn do cấp tỉnh quản lý (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải).

c) Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

8. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

9. Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

10. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường do cấp tỉnh quản lý); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

11. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

12. Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh.

13. Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có).

14. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

15. Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường.

16. Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện công tác xử lý chất thải trên địa bàn.

17. Chi hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của tỉnh theo quy định pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp huyện

1. Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn cấp huyện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường do cấp huyện quản lý.

2. Công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường, thuộc nhiệm vụ của cấp huyện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ thuộc trách nhiệm của cấp huyện.

3. Hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt ở địa bàn (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải) do cấp huyện quản lý.

4. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư trên địa bàn; **hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường.**

5. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn do cấp huyện quản lý.

6. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường do cấp huyện quản lý); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn do cấp huyện quản lý; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

7. Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản trên địa bàn của huyện (bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có).

8. **Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của cấp huyện và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.**

9. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.

10. Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện.

11. Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29/10/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

12. Chi cho hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp huyện theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp xã

1. Xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn cấp xã.

2. Tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cấp xã.

3. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

4. Kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp xã.

5. Hỗ trợ giảm thiểu, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải trên địa bàn cấp xã.

6. Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã.

7. Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp xã theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nội dung, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện

1. Nội dung, mức chi: chi tiết theo phụ lục kèm theo.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: căn cứ nhiệm vụ chi được quy định tại Quyết định này và phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2017 và các năm tiếp theo của theo của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 tại quyết định số 685b/QĐ-UBND ngày 16/12/2016, nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm kinh phí thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp các nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp

môi trường trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Nghị quyết trình HĐND tỉnh quy định nội dung hỗ trợ các nhiệm vụ chi về đa dạng sinh học của các cấp ngân sách ở địa phương theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT (tại khoản 7 Điều 2 và khoản 11 Điều 3 Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017).

b) Hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường hàng năm của cấp tỉnh và cấp huyện; phối hợp với Sở Tài chính dựa trên cơ sở chỉ tiêu hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan về chi sự nghiệp môi trường và tình hình thực tế của địa phương để xây dựng tổng mức chi sự nghiệp môi trường của ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt, mức chi không thấp hơn chỉ tiêu hướng dẫn chi sự nghiệp môi trường do Bộ Tài chính thông báo.

c) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ chi sự nghiệp môi trường cho các đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh (trừ những dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh về chế độ quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Cân đối bố trí kinh phí, hướng dẫn quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

a) Phối hợp thực hiện nhiệm vụ tại Điều 3 Quy định này.

b) Hằng năm (quý III) lập dự toán chi sự nghiệp môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phối hợp thực hiện nhiệm vụ tại Điều 4 Quy định này.

b) Hằng năm (quý III) lập dự toán chi sự nghiệp môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp thực hiện nhiệm vụ tại Điều 4 Quy định này.

b) Hằng năm (quý III) lập dự toán chi sự nghiệp môi trường gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp chung.

6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường

Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường phải thực hiện các quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số [02/2017/TT-BTC](#) và nội dung bản quy định này. Hằng năm, sau khi quyết toán kinh phí với cơ quan tài chính; các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường về Phòng Tài nguyên Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện vào đầu quý II hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường năm trước ở cấp mình về Sở Tài nguyên và Môi trường; các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, theo dõi, giám sát.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó./.

PHỤ LỤC
MỨC CHI KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
QUẢNG NGÃI
(Ban hành kèm theo quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2018 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án:			
a	Lập nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1.500	
b	Lập dự án	Dự án	3.000 - 5000	<i>Tùy theo tính chất dự án</i>
c	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư	
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)			
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi họp	350	<i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
b	Thành viên, thư ký	Người/buổi họp	200	
c	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi họp	100	
d	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	350	
đ	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	200	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	350	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i>
4	Điều tra, khảo sát			
a	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	350	
b	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
-	Cá nhân	Phiếu	30	
-	Tổ chức	Phiếu	70	
c	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày bằng 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	

d	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	100	<i>Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên</i>
đ	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	150	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:			
a	Nhiệm vụ	Báo cáo	3.000	
b	Dự án	Báo cáo	10.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	500	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	400	
c	Ủy viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	200	
d	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	
đ	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	350	
e	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	200	
g	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03 bài viết)	Bài viết	300	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)			
a	Người chủ trì	Người/buổi hội thảo	350	
b	Thư ký hội thảo	Người/buổi hội thảo	200	
c	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi hội thảo	100	
d	Báo cáo tham luận	Bài viết	250	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
a	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
-	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi	300	
-	Thành viên, thư ký	Người/buổi	150	
b	Nghiệm thu dự án:			

-	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	500	
-	Thành viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	300	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	350	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	
-	Đại biểu được mời tham dự		100	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã (Ngân sách không chi BHXH, BHYT...)			
a	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 (2,34) theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang nhân dân với mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	
b	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	
10	Chi giải thưởng môi trường của tỉnh			
a	Tổ chức		8.000	
b	Cá nhân		5.000	

